

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày 05-3-2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Ông Hà Quang Văn.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 26/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn 3 V, xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn 1 V1, xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

3. Người làm chứng: Ông Đinh Văn H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn 1 V, xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt ông H, ông H1; ông vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2020, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ngày 28/01/2020 giữa ông và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 ở thôn 1 Vân Trung, xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Bình có ký hợp đồng mua bán về việc: ông H cung cấp bán

cám thức ăn chăn nuôi cho ông Tiểu. Theo thỏa thuận: ông H sẽ bán cám, thức ăn chăn nuôi cho ông Tiểu, thời hạn thanh toán tiền mua cám là 60 ngày kể từ ngày cung cấp cám là ngày 28/01/2020. Từ ngày 28/01/2020 đến ngày 30/3/2020 ông T đã lấy cám với tổng số tiền là 176.940.000 đồng. Sau đó ông T đã thanh toán cho ông H 03 lần với tổng số tiền đã thanh toán là 118.500.000 đồng (được thanh toán làm 3 lần, lần thanh toán cuối cùng là ngày 04/4/2020). Số tiền còn lại ông T chưa thanh toán cho ông H là 58.440.000 đồng. Do ông T không thanh toán đúng hạn nên rất nhiều lần ông H đã gọi điện, đến tận nhà yêu cầu ông T thanh toán rất nhưng ông T đều khất lần không thanh toán. Đến nay ông H đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T phải thanh toán cho ông số tiền mua cám còn nợ lại là 58.440.000 đồng và tính lãi suất là 0,75%/ 1 tháng (Đây là lãi suất ông H đề nghị theo Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thời điểm này).

Đối với ông Nguyễn Văn T là bị đơn, sau khi Tòa án thụ lý vụ án có gửi Thông báo thụ lý cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng ông T không đến Tòa án làm việc cũng như không có ý kiến phản hồi.

Qua nhiều lần hòa giải do ông T vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Ngày 08/02/2021 Tòa án nhân dân huyện N phối hợp với chính quyền địa phương xuống tận nhà ông T để tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa thì ông T mới có quan điểm về việc ông H khởi kiện: ông T thừa nhận giữa ông và ông H có ký hợp đồng mua bán cám để ông nuôi vịt, thời điểm thanh toán là 2 tháng 1 lần sau khi ông bán vịt. Tuy nhiên đầu năm 2019 ông H tự ý không cung cấp cám cho ông, ông có điện trao đổi thì ông H nói phải thanh toán gốc mới đầu tư tiếp. Sau đó ông có thanh toán cho ông H 18.500.000 đồng. Tuy nhiên sau đó ông H cũng không thực hiện tiếp hợp đồng nữa. Nay ông xác định ông chỉ còn nợ ông H số tiền 45.000.000 đồng, việc ông H khởi kiện ông còn nợ ông H số tiền 58.440.000 đồng là không đúng. Ông cho rằng ông H tự ý không cung cấp cám cho ông nuôi vịt dẫn đến đàn vịt 38000 con của ông bị chết gây thiệt hại 83.600.000 đồng. Ông yêu cầu ông H phải bồi thường cho ông xong thì ông mới thanh toán nợ cho ông H. Về các chứng cứ ông H nộp ông T không có ý kiến gì.

Ý kiến của người làm chứng ông H1: Ông xác nhận ông là người chở cám cho ông H để giao cho ông Tiểu. Mỗi lần giao ông đều đưa sổ cho ông T ký chốt sổ, vì vậy ông biết việc ông T còn nợ tiền cám của ông H như ông H khởi kiện là đúng.

Tại phiên tòa ông H vẫn giữ quan điểm yêu cầu ông T phải thanh toán cho ông số tiền nợ gốc là 58.440.000 đồng và lãi xuất trên nợ gốc tính từ thời điểm 04/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Mức lãi xuất là 0,75%/ 1 tháng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quan điểm:

*** *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*** Thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS.

*** *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa:***

- Phiên tòa hôm nay diễn ra theo thời gian với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa.

- Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS 2015.

****Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:***

Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71 và điều 234 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70,72 BLTTDS.

Việc thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí: Ngay sau khi có thông báo của TA, trong thời hạn quy định nguyên đơn đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và biên lai cho TA theo đúng quy định tại Điều 146, Điều 195 BLTTDS.

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T được triệu tập hợp lệ đến lần hai vắng, vì vậy căn cứ quy định tại điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 357; 468; 466 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H.

Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền mua cám, thức ăn gia súc cho anh Nguyễn Văn H là 58.440.000 đồng và phải chịu lãi xuất là 0,75% trên một tháng của số tiền nợ kể từ ngày 04/04/2020 đến ngày xét xử 05/03/2021 là 11 tháng 1 ngày tương đương số tiền 4.835.900đ. Tổng số tiền ông T phải trả cho anh Hưng là 63.275.900đ.

Kể từ ngày anh Hưng có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền mà ông Tiêu phải thi hành cho đến khi thi hành xong hàng tháng ông T còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại điều 357 và điều 468 của BLDS.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.163.700đ. Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.559.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án: Tranh chấp về Hợp đồng Dân sự theo quy định của pháp luật về Dân sự, cụ thể: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ tại: Thôn 1, Vân Trung, xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Do vậy căn cứ khoản Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cần được xem xét giải quyết.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ hai lần, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông T là đảm bảo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: *Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:*

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ông H khởi kiện ông Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng mua bán hai bên ký kết với nhau, theo đó ông T phải thanh toán cho ông H số tiền còn nợ là 58.440.000 đồng và lãi xuất tính từ ngày 04/4/2020 (là ngày cuối cùng ông T trả nợ) đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi xuất của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thời điểm khởi kiện là 0.75%/tháng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

Hợp đồng mua bán được lập giữa hai bên là hợp đồng viết tay, được lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, thiện trí, ngay thẳng và không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là ông H và ông T có đủ năng

lực pháp luật dân sự. Như vậy, về hình thức và nội dung thì hợp đồng trên không trái các Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy hợp đồng mua bán giữa ông H và ông T có hiệu lực.

Về quá trình thực hiện hợp đồng: ông H đã thực hiện đúng các nghĩa vụ là cung cấp cám cho ông T nuôi vịt. Tuy nhiên ông T đã không thực hiện đúng và đầy đủ như đã giao kết trong hợp đồng dẫn đến việc còn nợ lại số tiền 58.440.000 đồng như đơn khởi kiện của ông H.

Về nghĩa vụ trả nợ: ông T cũng thừa nhận hiện nay có nợ tiền cám đã mua của ông H. Tuy nhiên ông T chỉ thừa nhận còn nợ số tiền 45.000.000 đồng, vì ông xác nhận đã trả cho ông H 18.500.000 đồng. Tuy nhiên ông T không cung cấp được chứng cứ đã trả số tiền trên cho ông H. ông T cũng thừa nhận chữ ký trong hợp đồng do ông H cung cấp đúng là chữ ký của ông T.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ còn lại cho nguyên đơn là 58.440.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

Về lãi suất của khoản tiền ông T còn nợ: ông H yêu cầu tính theo lãi xuất của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tại thời điểm khởi kiện là 0,75%/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng: lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 = 0,75%/tháng.. Mức lãi xuất ông H đưa ra là phù hợp với quy định tại Bộ luật Dân sự 2015 và quy định của Ngân hàng Nhà nước, vì vậy cần chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau:

Số tiền gốc 58.440.000đ từ ngày 04/4/2020 đến 05/3/2021 là 11 tháng 01 ngày.

$58.440.000\text{đ} \times 0,75\%/\text{tháng} = 438.300\text{đ}/\text{tháng}.$

$438.300\text{đ} : 30 \text{ ngày} = 14.600\text{đ}/\text{ngày}.$

$438.300\text{đ} \times 11 \text{ tháng} = 4.821.300 \text{ đ}.$

$14.600 \text{ đ} \times 1 \text{ ngày} = 14.600\text{đ}$

Tổng cộng tiền lãi: 4.835.900 đồng (Bốn triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm đồng.)

Tổng cộng tiền gốc và lãi là: $58.440.000\text{đ} + 4.835.900 = 63.275.900\text{đ}$ (Sáu mươi ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm đồng).

Ngoài ra ông T có ý kiến: ông T yêu cầu ông H phải bồi thường thiệt hại 38000 con vịt bị chết cho ông T thì ông mới trả tiền mua cám còn nợ cho ông H. Xét thấy nội dung này không có trong nội dung thỏa thuận của biên bản hợp đồng mua bán cám, thức ăn gia súc giữa hai bên, mặt khác yêu cầu này ông T đưa ra sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, do đó không đặt ra để giải quyết. Nếu sau này ông T có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.
- Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 357; 463, 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán số nợ gốc cho ông Nguyễn Văn H số tiền là 58.440.000đ (năm mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) và tiền lãi tính từ ngày 04/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.835.900 đồng (Bốn triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm đồng.)

Tổng cộng tiền gốc và lãi ông T phải thanh toán cho ông H là: 63.275.900đ(Sáu mươi ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền mà ông T phải thi hành cho đến khi thi hành xong hàng tháng ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch :

- Ông Nguyễn Văn T phải chịu là 3.163795đ.
- Trả lại cho ông Nguyễn Văn H đã nộp là 1.559.700đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000624 ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- Dương sự;
- Lưu HS./.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh